TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **30**/2017/KDTM-ST Ngày 27-12-2017 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiệp.

2. Ông Võ Hùng Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 52/2017/TLST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2017/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2017/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B; địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp:

1.1. Ông Đoàn Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật.

1.2. Anh Dương Thoại K, sinh năm 1989; cư trú tại: Xã B, huyện C, tỉnh T; địa chỉ liên lạc: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/10/2017); có mặt.

2. *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V; địa chỉ: phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị Thanh L - chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 09/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B là anh Dương Thoại K trình bày:

Ngày 04/01/2016, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B với Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V ký kết hợp đồng mua bán số 02E/HĐMB2016 về việc mua bán bê tông thương phẩm. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B đã cung cấp đầy đủ bê tông cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V theo như thỏa thuận, nhưng cho đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V vẫn không thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B và luôn né tránh trong việc thanh toán. Hiện tại, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V còn nợ Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B số tiền là 79.235.780 đồng.

Nay, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ là 79.235.780 đồng. Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V phải trả tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 31/5/2016 cho đến ngày 09/10/2017 với lãi suất 9%/năm số tiền là 9.690.644 đồng. Tổng cộng, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B số tiền là 88.926.424 đồng.

- Bị đơn là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, phía Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V không đến làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của phía bị đơn được.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu: Buộc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B số tiền là 88.926.424 đồng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật; riêng bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên tòa nên Tòa án xét

xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Vào ngày 09/10/2017, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B có đơn khởi kiện Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V yêu cầu trả số tiền còn thiếu theo hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm số 02E/HĐMB2016 ngày 04/01/2016 đã ký giữa các bên và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 31/5/2016 cho đến ngày 09/10/2017 với tổng số tiền là: 88.926.424 đồng.

Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại do Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B đứng đơn khởi kiện đối với bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V.

Về thẩm quyền: Theo thỏa thuận tại khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng mua bán 02E/HĐMB2016 ngày 04/01/2016 đã ký giữa các bên thì: "Mọi tranh chấp nếu như hai bên không tự giải quyết được, hai bên thống nhất chọn Tòa án có thẩm quyền nơi bên A đặt trụ sở để giải quyết mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này". Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Về sự tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V không có lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 04/01/2016, giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B và Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V ký hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm số 02E/HĐMB2016 với các nội dung chính như sau: Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B cung cấp bê tông trộn sẵn cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V tại nhà xưởng - xã Lai Hưng, thị xã Bến Cát; thời hạn thanh toán là trong vòng 15 ngày kể từ ngày Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B

giao hóa đơn cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V. Hợp đồng đã được người đại diện hợp pháp của 02 công ty ký tên và đóng dấu. Như vậy, về hình thức của hợp đồng là đúng theo quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại; đối tượng của hợp đồng không thuộc loại hàng hóa cấm kinh doanh, hàng hóa hạn chế kinh doanh theo quy định tại Điều 25 của Luật Thương mại và các thỏa thuận trong hợp đồng là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên nên hợp đồng mua bán có giá trị thi hành đối với các bên.

- *Đối với yêu cầu về số tiền 79.235.780 đồng*: Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B đã cung cấp đầy đủ bê tông cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V theo như thỏa thuận có giá trị là 159.235.780 đồng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V chỉ thanh toán được số tiền là 80.000.000 đồng. Ngày 31/5/2016, giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B và Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V lập biên bản xác nhận công nợ, theo đó Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V còn nợ Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B số tiền là 79.235.780 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sợ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V có trả toàn bộ hay một phần số tiền 79.235.780 đồng cho Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B kể từ ngày 31/5/2016. Vì vậy, việc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V phải trả số tiền 79.235.780 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

- *Đối với yêu cầu về số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 31/5/2016 cho đến ngày 09/10/2017 với lãi suất 9%/năm số tiền là 9.690.644 đồng*: Xét thấy, theo khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng mua bán đã ký giữa các bên thì Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V có trách nhiệm thanh toán 100% tổng số tiền theo thực tế giao hàng trong vòng 15 ngày kể từ ngày Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B giao hóa đơn cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V. Sau khi giao hàng và hóa đơn cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V nhưng Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V không thanh toán đầy đủ theo thỏa thuận, đến ngày 31/5/2016 giữa 02 Công ty mới tiến hành xác nhận công nợ. Sau khi xác nhận công nợ thì Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V cũng không thanh toán số tiền mua hàng cho Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B. Do vậy, việc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B yêu cầu tính lãi trên số tiền chậm thanh toán từ ngày 31/5/2016 đến ngày nộp đơn khởi kiện ngày 09/10/2017 là phù hợp với Điều 306 của Luật Thương mại.

Theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại thì lãi suất được áp dụng là lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán với lãi suất là 10,5%/năm, tuy nhiên phía Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B chỉ yêu cầu lãi suất là 9%/năm là thấp hơn mức quy định nên được chấp nhận. Cụ thể, buộc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V phải trả lãi cho Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B là:

79.235.780 đồng x 9%/12 tháng x 16 tháng 21 ngày (từ ngày 31/5/2016 cho đến ngày 09/10/2017) = 9.690.644 đồng.

Tổng cộng, buộc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V phải trả cho Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B số tiền mua bán còn thiếu và lãi phát sinh là: 88.926.424 đồng.

Tại tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là có cơ sở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V phải chịu trên số tiền trả cho Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B là: 88.926.424 đồng, với số tiền án phí cụ thể là: 88.926.424 đồng x 5% = 4.446.321 đồng; Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 24,Điều 25, Điều 306 của Luật Thương mại;

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" đối với bị đơn là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V.

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V phải trả cho Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B số tiền mua bán hàng hóa còn thiếu và lãi phát sinh là: 88.926.424 đồng (tám mươi tám triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn bốn trăm hai mươi bốn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V phải phải nộp 4.446.321 đồng (bốn triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm hai mươi mốt đồng).

2.2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.224.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001820 ngày 27/10/2017.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
-VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố TDM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Vọng